

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 10/2019/NQ-HĐND NGÀY 23/7/2019 QUY ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO VÀ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

NGHỊ QUYẾT SỐ 10/2019/NQ-HĐND NGÀY 23/7/2019 CỦA HĐND TỈNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU	THUYẾT MINH
<p>Về phạm vi điều chỉnh:</p> <p>a) Đối với các giải thi đấu thể thao do cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức, gồm: Đại hội thể dục thể thao; giải thi đấu thể thao từng môn; hội thi thể thao quần chúng; giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật; hội khỏe phù đồng.</p> <p>b) Thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, gồm: Đội tuyển tỉnh; đội tuyển trẻ tỉnh; đội tuyển năng khiếu các cấp; đội tuyển huyện, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là đội</p>	<p>Về phạm vi điều chỉnh:</p> <p>Quyết định quy định mức chi thường bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia, toàn quốc và khu vực, Đại hội thể dục thể thao, Hội thi, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đồng và các giải thể thao cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu.</p>	<p>Việc xây dựng dự thảo Quyết định quy định mức chi thường đối với các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh lai châu bảo đảm phù hợp tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 về quy định chế độ chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu có quy định như sau: “<i>Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chi trả tiền lương ...; quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại</i></p>

<p>tuyển cấp huyện).</p>		<p><i>các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật”.</i></p> <p>- So với Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định đã điều chỉnh tập trung vào mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải nhằm cụ thể hóa chính sách khuyến khích, động viên trong lĩnh vực thể dục, thể thao, phù hợp với thẩm quyền của địa phương; đồng thời bổ sung thêm phạm vi áp dụng đối với thành tích đạt được tại các giải cấp xã, phù hợp với thực tiễn chính quyền 02 cấp và hệ thống thi đấu thể thao hiện nay. Việc quy định rõ phạm vi điều chỉnh theo hướng chuyên biệt đối với chính sách tiền thưởng giúp dễ áp dụng trong thực tiễn, tránh chồng chéo chính sách, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và khả thi khi triển khai thực hiện.</p>
<p>Về đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Đối với các giải thi đấu thể thao, gồm: Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải đấu; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải đấu; vận</p>	<p>Về đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu cho đoàn thể thao tỉnh Lai Châu theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp toàn quốc, quốc gia, khu</p>	<p>- So với Nghị quyết số 10 hiện hành, dự thảo Quyết định đã điều chỉnh đối tượng áp dụng theo hướng tập trung vào huấn luyện viên và vận động viên là chủ thể trực tiếp đạt thành tích thi đấu, phù hợp</p>

	thi đấu cấp quốc gia											
1	Giải Đại hội TDTT toàn quốc	5.000	3.000	2.000								
2	Giải vô địch quốc gia	4.000	3.000	2.000								
3	Giải vô địch trẻ toàn quốc	2.500	1.500	1.000								
4	Giải hội thi thể thao và các giải khu vực, toàn quốc	2.500	1.500	1.000								
II	Đối với các giải thi đấu thể thao trong tỉnh											
1	Cấp tỉnh											
1.1	Cá nhân	500	400	300								
1.2	Đôi	1.000	800	600								
1.3	Đồng đội	1.500	1.200	1.000								
1.4	Toàn đoàn	3.000	2.000	1.500								
1	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc					12	7,2	4,8	+4,8			
2	Giải vô địch, vô địch các đội mạnh toàn quốc, quốc gia					9,6	5,8	3,8	+3,8			
3	Giải vô địch trẻ, vô địch cúp, vô địch Câu lạc bộ, vô địch U20, U23, toàn quốc, quốc gia (vận động viên từ 18 tuổi trở lên)					7,7	4,6	3,0	+3,0			
4	Giải vô địch các nhóm tuổi trẻ, vô địch U, vô địch thanh, thiếu niên					6,1	3,7	2,4	+2,4			

theo nguyên tắc có tham chiếu và bảo đảm tương quan hợp lý: mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc được xác định bằng khoảng 60% mức thưởng của nhóm giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao; các cấp giải tiếp theo được thiết kế theo nguyên tắc giảm dần, với mức sau bằng khoảng 80% mức của giải liền kề trước đó, đồng thời không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính cạnh tranh, vừa phù hợp với điều kiện ngân sách của địa phương.

+ Việc đề xuất mức chi thưởng đối với vận động viên và huấn luyện viên được xây dựng trên cơ sở bám sát các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, đồng thời bảo đảm đúng thẩm quyền của địa phương trong việc quy định mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao ở phạm vi quốc gia, khu vực và địa phương.

1.5	Bóng chuyền	3.000	2.000	1.500	800	trẻ xuất sắc, giải vô địch học sinh, sinh viên, giải vận động viên xuất sắc toàn quốc, quốc gia (từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi)						+ Các mức thưởng được kế thừa có chọn lọc từ quy định trước đây, đồng thời được điều chỉnh, bổ sung nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn như chưa bảo đảm tương quan giữa các cấp độ giải, giữa các nhóm tuổi, cũng như giữa thành tích cá nhân và tập thể. Việc phân nhóm theo độ tuổi, cấp độ thi đấu và tính chất giải đấu giúp phản ánh sát mức độ cạnh tranh, giá trị thành tích và yêu cầu chuyên môn, qua đó nâng cao tính công bằng và hợp lý của chính sách.
1.6	Bóng đá											
-	Giải 7 người	3.000	2.000	1.500	800							
-	Giải 11 người	5.000	4.000	3.000	1.000							
2	Cấp huyện, thành phố											
2.1	Cá nhân	400	300	200								
2.2	Đôi	800	600	400								
2.3	Đồng đội	1.200	1.000	800								
2.4	Toàn đoàn	2.000	1.500	1.000								
2.5	Bóng chuyền	2.000	1.500	1.000	600							
2.6	Bóng đá											
-	Giải 7 người	2.000	1.500	1.000	600	5	4,9	3,0	1,9	+1,9		
-	Giải 11 người	4.000	3.000	2.000	1.000							
3	VĐV, trọng tài xuất sắc	300										
						6	Giải vô địch	3,9	2,4	1,5	+1,5	

	<p>các nhóm tuổi trẻ, vô địch U, vô địch thanh, thiếu niên trẻ xuất sắc, vô địch học sinh, sinh viên toàn quốc, quốc gia (dưới 12 tuổi)</p>					<p>- Đối với thành tích đồng đội và giải toàn đoàn: Đề xuất quy định mức thưởng theo hệ số so với giải cá nhân tương ứng nhằm bảo đảm sự cân đối giữa đóng góp của từng cá nhân và thành tích chung của tập thể, đồng thời ghi nhận đúng mức vai trò phối hợp trong các môn thi đấu tập thể.</p> <p>- Đối với huấn luyện viên: Đề xuất mức thưởng gắn trực tiếp với thành tích của vận động viên, bảo đảm phản ánh đầy đủ vai trò, công sức và trách nhiệm trong quá trình huấn luyện. Cơ chế tính thưởng theo hướng lũy tiến đối với môn cá nhân và quy định số lượng huấn luyện viên đối với môn tập thể được xây dựng chặt chẽ, phù hợp với đặc thù từng môn, bảo đảm tính hợp lý, tránh dàn trải và nâng cao</p>
7	<p>Giải khu vực, Hội thi thể thao, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật và các giải thể thao khác</p>	3,1	1,9	1,2	+1,2	
<p>2. Thành tích đồng đội được xác định trên cơ sở mức thưởng của giải cá nhân tương ứng quy định tại khoản 1</p>						

	<p>Điều này, cụ thể như sau:</p> <p>a) Môn thi đấu có 02 vận động viên: Mức thưởng bằng 02 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.</p> <p>b) Môn thi đấu có từ 03 đến 06 vận động viên: Mức thưởng bằng 03 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.</p> <p>c) Môn thi đấu có từ 07 vận động viên trở lên: mức thưởng bằng 04 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.</p> <p>3. Các đội tuyển đạt thành tích giải toàn đoàn, mức thưởng bằng 04 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.</p> <p>Về mức thưởng đối với huấn luyện viên</p> <p>Huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu cấp toàn quốc, quốc gia, khu vực, Đại hội thể dục thể thao, Ngày hội, Hội thi, Hội khỏe Phù Đổng được thưởng theo mức cụ thể như sau:</p> <p>1. Đối với các môn thể thao cá nhân: Mức thưởng dựa trên tổng giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên, quy định như sau:</p> <p>a) Đối với huy chương có giá trị cao nhất: Huấn luyện viên được thưởng 100% giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên.</p> <p>b) Đối với từ huy chương thứ 2 đến 4: Huấn luyện viên được thưởng 50% giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên.</p> <p>c) Đối với từ huy chương thứ 5 trở đi: Huấn luyện viên được thưởng 30% giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên.</p>	<p>hiệu quả khuyến khích.</p> <p>- Mức chi tiền thưởng các giải thể thao cấp tỉnh, cấp xã được đề xuất trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về ngân sách và chế độ chi trong lĩnh vực thể dục, thể</p>
--	---	--

2. Đối với thi đấu tập thể

a) Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện được thưởng bằng mức thưởng của vận động viên.

b) Số lượng huấn luyện viên được quy định theo mức sau: đối với các đội thuộc những môn có quy định dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 02 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 03 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 04 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 05 huấn luyện viên.

Về mức chi tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp xã, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Huy chương Vàng (Giải)	Huy chương Bạc (Giải)	Huy chương Đồng (Giải)

thao, đồng thời phù hợp thẩm quyền ban hành của địa phương đối với cấp tỉnh và cấp xã; được kế thừa, điều chỉnh từ thực tiễn triển khai, có xét đến biến động giá cả, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm nhưng vẫn tạo động lực phát triển phong trào; việc quy định mức thưởng theo loại hình thi đấu, quy mô, tính chất giải và đặc thù từng môn nhằm phản ánh đúng thành tích và mức độ đóng góp của vận động viên.

+ Đối với cấp tỉnh: Đề xuất mức chi đối với Đại hội TDTT bằng 20% mức áp dụng cho nhóm II Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; các giải cá nhân khác mức chi bằng 80% mức của Đại hội TDTT cấp tỉnh.

+ Đối với cấp xã: Đề xuất mức chi tối đa bằng 60% mức chi cấp tỉnh, phù hợp quy mô và khả năng ngân sách, đồng thời bảo đảm tính thống nhất chính sách.

+ Đối với nội dung tập thể, toàn đoàn: Đề

		<i>nhất)</i>	<i>nhì)</i>	<i>ba)</i>
I	Cấp tỉnh			
1	Giải cá nhân			
a	Cá nhân (Đại hội TDTT; giải leo núi; giải Marathon cự ly 21km trở lên)	2,4	1,5	1,0
b	Cá nhân các giải khác	1,9	1,2	0,8
2	Giải đôi: Mức thưởng bằng 02 lần giải thưởng cá nhân các giải thể thao tương ứng			
3	Giải đồng đội			
a	Môn có 03 đến 06 vận động viên	5,7	3,6	2,4
b	Môn có từ 07 vận động viên trở lên	7,6	4,8	3,2
4	Giải khuyến khích bằng 20% của giải ba tương ứng			
5	Giải vận động viên xuất sắc, trọng tài xuất sắc bằng 20% của giải ba tương ứng			
6	Giải phong cách bằng 50% của giải ba tương ứng			
7	Giải toàn đoàn	5,0	3,0	2,0
II	Cấp xã (Mức chi tối đa bằng 60% mức chi cấp			

xuất tính theo hệ số so với giải cá nhân để bảo đảm cân đối và ghi nhận vai trò phối hợp (đồng đội có từ 3-6 người bằng 03 lần giải cá nhân; đồng đội có từ 7 người trở lên bằng 04 lần giải cá nhân tương ứng). Các giải khuyến khích, xuất sắc, phong cách... được tính theo tỷ lệ % của giải ba, bảo đảm thống nhất, minh bạch.

Dự thảo làm rõ nguyên tắc áp dụng mức chi là mức tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước; khuyến khích huy động nguồn xã hội hóa để bổ sung mức thưởng.

<p>Các mức tiền thưởng quy định trên là mức chi tối đa; tùy theo tính chất, yêu cầu thi đấu của mỗi giải, mỗi môn thể thao, Ban Tổ chức quy định mức thưởng cụ thể đối với từng môn, từng giải thi đấu thể thao.</p>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 30%;"></td> <td style="width: 70%; text-align: center;">tỉnh)</td> </tr> </table> <p style="text-align: center;">Về Quy định về áp dụng mức chi thưởng</p> <p>1. Mức chi thưởng quy định tại Quyết định này là mức tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước. Căn cứ dự toán ngân sách được giao, quy mô, tính chất từng giải thi đấu và điều lệ, quy chế chuyên môn của từng môn thể thao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao tổ chức giải quyết định mức chi cụ thể, bảo đảm không vượt quá mức quy định tại Quyết định này.</p> <p>2. Nhà nước khuyến khích các đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan huy động, khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm mức chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao.</p>		tỉnh)	
	tỉnh)			
<p>Nguồn kinh phí</p> <p>5.1. Kinh phí thực hiện các giải thi đấu thể thao</p> <p>Nguồn thu từ bán vé xem thi đấu; nguồn thu tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình; nguồn ngân sách nhà nước; nguồn thu hợp pháp khác.</p> <p>5.2. Kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng của huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao</p> <p>Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm;</p> <p>Nhà nước khuyến khích các đơn vị quản lý</p>	<p>Nguồn kinh phí thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí thực hiện chế độ chi thưởng được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và các nguồn thu hợp pháp khác. - Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. 			

huấn luyện viên, vận động viên và các tổ chức liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao.		
<p>Dự thảo Quyết định mức chi thường đối với các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy định còn phù hợp của Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND; đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế toàn diện các nội dung không còn phù hợp nhằm thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mới của Trung ương. Nội dung dự thảo bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh Lai Châu; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thể dục thể thao, thúc đẩy phát triển thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao theo hướng bền vững.</p>		